

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-01-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Cơ;

Bà Lưu Thị Hồng Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 179/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27/12/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị T Q (Đỗ Thị T Q), sinh năm 1998, (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 28 tháng 6 năm 2021 của bà Đỗ Thị Thu Q thể hiện:

Bà Q và ông Th tổ chức cưới năm 2016, có đăng ký kết hôn ngày 01/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã N. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 12/2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà và ông Th không còn sống chung với nhau từ tháng

02/2021 cho đến nay. Nay bà xác định hôn nhân không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Th.

Về con chung: Bà và ông Th có một con chung là Nguyễn Đỗ Đăng Kh, sinh ngày 29/10/2019, hiện đang sống với bà Q. Khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Th: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, nhưng ông Nguyễn Văn Th vắng mặt, cũng không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; còn đối với bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải.

Bà Đỗ Thị Thu Q và ông Nguyễn Văn Th đã được cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà Q, ông Th vắng mặt, bà Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Th vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Đỗ Thị Thu Q và ông Nguyễn Văn Th.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử bà Đỗ Thị Thu Q được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th. Về con chung: Đề nghị giao con chung Nguyễn Đỗ Đăng Kh, sinh ngày 29/10/2019 cho bà Đỗ Thị Thu Q được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi đến khi con chung Nguyễn Đỗ Đăng Kh đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đỗ Thị Thu Q không có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu gì nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Q, ông Th đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng bà Q, ông Th vắng mặt, bà Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Th vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Đỗ Thị Thu Q và ông Nguyễn Văn Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Thu Q và ông Nguyễn Văn Th tự nguyện tổ chức cưới và đăng ký kết hôn, được UBND xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp

giấy chứng nhận kết hôn số 73 ngày 01/10/2019 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Thu Q và ông Nguyễn Văn Th là hôn nhân hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện bà Q yêu cầu ly hôn do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không cùng chí hướng. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà Q và ông Th đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được, ông bà đã không còn chung sống với nhau từ tháng 02/2021 đến nay nhưng không có Th chí hàn gắn tình cảm, cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà Q và ông Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị Thu Q.

[4] Về con chung: Bà Q và ông Th có 01 người con chung là Nguyễn Đỗ Đăng Kh, sinh ngày 29/10/2019. Xét thấy, từ khi bà Q và ông Th không còn sống chung với nhau cho đến nay thì cháu Khoa do bà Q nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ theo yêu cầu của bà Q, Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Đỗ Đăng Kh cho bà Q nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp, đảm bảo quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của con chung

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đỗ Thị Thu Q không có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Đỗ Thị Thu Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Thu Q được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th.

2. Về con chung: Giao cho bà Đỗ Thị Thu Q được quyền trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Đỗ Đăng Kh, sinh ngày 29/10/2019 cho đến khi cháu Nguyễn Đỗ Đăng Kh đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn Th được quyền thăm nom con chung Nguyễn Đỗ Đăng Kh không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đỗ Thị Thu Q không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Thu Q phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009740 ngày 09/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Bà Đỗ Thị Thu Q đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- UBND xã Ngọc Đông (Theo GCNKH số 73 ngày 01/10/2019);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mến